

**CÔNG TY TNHH MINH TẾ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MINH TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH TE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH TE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110445192

**3. Ngày thành lập:** 10/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 10, Ngách 93/52, Phố Nghĩa Dũng, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983304615

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                         | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                 | 4512     |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; và bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) | 4530     |
| 4.  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn và bán lẻ mô tô, xe máy                                                                                                                                                                             | 4541     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn và bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.                                                                                                    | 4543     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                      | 4620     |
| 7.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                              | 4631     |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                          | 4632     |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                            | 4633     |
| 10. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                       | 4634     |
| 11. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                        | 4641     |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                          | 4649     |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                         | 4651     |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                          | 4652     |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                      | 4653     |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                             | 4659     |
| 17. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                | 4661     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662        |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669        |
| 21. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690(Chính) |
| 22. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                    | 4711        |
| 23. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719        |
| 24. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721        |
| 25. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |
| 26. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723        |
| 27. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4724        |
| 28. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4730        |
| 29. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                          | 4774        |
| 30. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                        | 4781        |
| 31. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                | 4782        |
| 32. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                      | 4783        |
| 33. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4784        |
| 34. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                     | 4785        |
| 35. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                              | 4789        |
| 36. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Ngoại trừ hoạt động đấu giá                                                                        | 4791        |
| 37. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Ngoại trừ hoạt động đấu giá                                                                                   | 4799        |
| 38. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 39. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742        |
| 40. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 41. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 42. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 43. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 44. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761        |

|     |                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 45. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh | 4762 |
| 46. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                 | 4763 |
| 47. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                   | 4764 |
| 48. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4771 |
| 49. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh    | 4772 |
| 50. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                   | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên     | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ KIỀU OANH | Hàn Quốc  | Thành phố Cần Thơ, Việt Nam                                            | 250.000.000           | 50,000    | 035194009975                                                                                            |         |
| 2   | TRẦN THỊ BÍCH NGỌC | Việt Nam  | Thành phố Cần Thơ, Việt Nam                                            | 250.000.000           | 50,000    | 035189010900                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ KIỀU OANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035194009975

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Đô Quan, Xã Mộc Nam, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Chung cư IEC, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội